

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 -8-2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị V và anh T”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chinh;

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “có mặt”

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21-6-2024 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 18/09/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Anh T nhiều lần đánh chị vô cớ, vợ chồng đã nhiều lần ly thân và đoàn tụ lại nhưng mâu thuẫn không giải

quyết được mặc dù đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo, vợ chồng tìm biện pháp giải quyết nhưng không thành. Từ cuối tháng 4/2024 đến nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh T có tìm chị để đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị không còn niềm tin và tình cảm đối với anh T nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 06/7/2012. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh T hay chửi và gây áp lực với các con nên từ đầu tháng 6/2024 các con tự về nhà ông bà ngoại để ở cùng chị V. Nay ly hôn chị V đề nghị được nuôi hai con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị V về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh T, vợ chồng có bất đồng quan điểm, có cãi chửi nhau xô xát do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau nên anh có ghen tuông vô cớ khiến chị V khó chịu. Từ tháng 4/2024 chị V đã về nhà bố mẹ đẻ để ở, anh có tìm chị V về để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay chị V chưa về. Nay chị V làm đơn xin ly hôn, anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị V nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T có lời khai thống nhất với chị V về con chung. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 06/7/2012. Hiện nay hai con chung đang tạm thời ở cùng chị V, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con chung và yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện nay anh làm nghề sơn nước và lái xe tải thu nhập trung bình 9-12 triệu đồng/tháng. Trường hợp vợ chồng tranh chấp về nuôi con anh T đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị V, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị V ý kiến: Vẫn giữ nguyên yêu cầu về con chung, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và cũng như nguyện vọng của các con muốn được ở cùng chị để đảm bảo việc học hành và sinh hoạt hàng ngày của các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Anh T ý kiến: Anh vẫn muốn chị V bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nuôi con nhưng nếu chị V quyết tâm ly hôn anh đề nghị được nhường quyền nuôi cả hai con cho chị V vì anh tôn trọng theo nguyện vọng các con muốn ở với mẹ và để thuận lợi việc học hành của các con, anh muốn các con được ở cùng nhau để anh em hỗ trợ nhau trong sinh hoạt và học tập hàng ngày. Anh không muốn

chia rẽ các con mỗi đứa một nơi. Hàng tháng anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị V theo khả năng của mình mặc dù chị V không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 06/7/2012 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 23/7/2009 cho chị Trần Thị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Văn T sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị V theo khả năng của anh (do chị V không yêu cầu). Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 18/9/2008. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi chửi nhau, mặc dù đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo, vợ chồng tìm biện pháp giải quyết nhưng không thành. Từ cuối tháng 4/2024 đến nay chị V về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị V xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn, anh muốn chị V về đẻ vợ chồng đoàn tụ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị V và anh T tính tình và quan điểm sống không hợp, không có tiếng nói chung, anh T nhiều lần vô cớ đánh chị V, vợ chồng đã nhiều lần ly thân và đoàn tụ lại nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mặc dù đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo, vợ chồng tìm biện pháp giải quyết nhưng không thành. Chị V và bố mẹ có khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên vợ chồng hay xích mích, cãi chửi nhau. Chị V đã về nhà bố mẹ đẻ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ cuối tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Anh T cũng xác định vợ chồng có bất đồng quan điểm, có cãi chửi nhau xô xát do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau nên anh có ghen tuông vô cớ khiến chị V khó chịu. Nay chị V đề nghị ly hôn, anh T không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân, anh T không có biện pháp, hành động thiết thực nào nhằm hàn gắn tình cảm. Chị V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh T. Từ những phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V được ly hôn anh T là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 06/7/2012. Từ khi vợ chồng ly thân hai con chung đang ở cùng chị V và ông bà ngoại, ly hôn chị V đề nghị được nuôi hai con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đề nghị được nuôi hai con chung và yêu cầu chị V cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T thay đổi yêu cầu về nuôi con chung, anh sẽ nhường cho chị V được nuôi cả hai con chung vì anh tôn trọng theo nguyện vọng các con muốn ở với mẹ và để thuận lợi việc học hành của các con, hàng tháng anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị V theo khả năng của anh. Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của hai bên và nguyện vọng của con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do chị V nuôi dưỡng, chăm sóc và việc sinh hoạt, học tập của con vẫn đảm bảo; Chị V là giáo viên mầm non có thời gian và thu nhập ổn định trên 08 triệu đồng/tháng. Bố mẹ chị V tạo điều kiện chỗ ở cho mẹ con chị và hỗ trợ chị việc chăm sóc các cháu. Cháu N và cháu H có nguyện vọng được ở cùng mẹ do mẹ chăm sóc tốt còn bố hay uống rượu, khi say thường chửi mắng các cháu. Anh T cũng nhường cho chị V được nuôi hai con chung để thuận lợi việc học hành của các con. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị V từ khi vợ chồng sống ly thân hai con chung đang được chị V chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, đảm bảo sức khỏe và việc học hành của các cháu đều tốt. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Chị V không yêu cầu anh T phải cấp

dưỡng nuôi con chung, anh T có ý kiến hàng tháng anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị V theo khả năng của anh nên về trách nhiệm cấp dưỡng Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Từ những phân tích trên, cần giao hai con chung là Nguyễn Duy N và Nguyễn Trần Nhật H cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Anh T sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị V theo khả năng của mình (do chị V không yêu cầu) và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị V, anh T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị V phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 23/7/2009 và Nguyễn Trần Nhật H, sinh ngày 06/7/2012 cho chị Trần Thị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V theo khả năng của mình (chị V không yêu cầu). Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005096 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Tiến;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hà Trần Xuân Chính

